TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**16**/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 20 - 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên;
Bà Trần Thị Minh Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xét xử số 3, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1990; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn xin ly hôn ngày 04/8/2021 nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị L và anh C kết hôn vào ngày 23/11/2012 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Quảng Trị có 01 con chung là cháu Nguyễn H, sinh ngày 11/7/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng được 03 năm thì đến tháng 10 năm 2016 anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu còn quan tâm, đến năm thứ 2 thì anh C không còn quan tâm, không gửi tiền nuôi con, không liên lạc; vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được, nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị L xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn H, sinh ngày 11/7/2013 chị L có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh C đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, chị L và gia đình anh C đều không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh C ở tại Nhật Bản.

2. Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2021 bà Nguyễn Thị C - Chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị trình bày:

Chị Trần Thị L hiện đang sinh hoạt tại Chi hội phụ nữ thôn L, xã H chị L và anh C kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn thì 02 người sinh sống tại địa phương, có thời gian sang Lào để làm ăn, vào năm 2016 anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa lần nào trở về Việt Nam; năm 2018 chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến tháng 5 năm 2021 thì về nước và ở tại nhà bố đẻ tại thôn L, xã H, huyện V thi thoảng mới lên nhà tại thôn L.

Về hoàn cảnh gia đình anh Nguyễn Minh C thì mẹ đã mất, không có bố, sau khi mẹ mất thì sống với ông bà ngoại đã cao tuổi, hiện có 01 em gái đang sinh sống tại huyện Triệu Phong.

3. Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2021 chị Tạ Thị Hồng H (em gái anh Nguyễn Minh C) trình bày:

Chị H là em cùng mẹ khác cha với anh C hiện tại chị là người thân duy nhất của anh C ở Việt Nam. Anh Nguyễn Minh C hiện nay đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đã 07 - 08 năm nhưng chưa lần nào về nước và chị H cũng không biết địa chỉ cụ thể hiện tại của anh C ở Nhật Bản, quá trình Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án thông qua mạng xã hội Facebook chị H có thông báo cho anh C biết về việc chị L ly hôn và anh C đồng ý với yêu cầu của chị L. Việc giao nhận các văn bản tố tụng chị H đồng ý nhận và cam đoan thông báo cho anh C biết về các nội dung văn bản Tòa án tống đạt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Minh C;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 11/7/2013 cho chị Trần Thị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Minh C nhưng hiện nay anh C đã xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án bị đơn và thân nhân của bị đơn không cung cấp địa chỉ nơi làm việc ở nước ngoài của bị đơn nhưng vẫn liên lạc với gia đình thông qua mạng xã hội Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đều vắng mặt nên không tiến hành các phiên họp và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua người thân của bị đơn là chị Tạ Thị Hồng H (em anh C), tuy nhiên tại phiên tòa lần thứ 02 anh C vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L với anh Nguyễn Minh C là hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2012 tại UBND xã V (nay là xã H), huyện V, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng được 03 năm thì đến tháng 10 năm 2016 anh C đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu còn quan tâm, đến năm thứ 2 thì anh C không còn quan tâm, không gửi tiền nuôi con, không liên lạc; vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được, nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được thấy hôn nhân không thể kéo dài nên chị L xin được ly

hôn với anh C. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn H. HĐXX thấy rằng, hiện tại anh C đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, trong khi đó chị L có đủ điều kiện và có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Hòa và không yêu cầu anh C cấp dương nuôi con. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn H sinh ngày 11/7/2013 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H, sinh ngày 11/7/2013 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh Nguyễn Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được quyền cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000007 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết; anh Nguyễn Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Cục THADS tỉnh Q.Trị;
- UBND xã Hiền Thành;
- Tổ HCTP;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà